TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/DS-ST
Ngày: 16/8/2017.
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn.**

Các hội thẩm nhân dân:

1 – Ông **Trần Văn Thạch**.

2 – Bà **Bùi Thị Hoa Mai**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2016/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Lệ H.,** sinh năm 1956.

Trú tại: Số 46, tổ 26, ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh Th.,** sinh năm 1961.

Trú tại: Số 6/40, ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị S., sinh năm 1963 (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Thanh Ng., sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Hoàng Ph., sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 6/40, ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H. trình bày:

Vào năm 1952 cha bà là ông Trần Văn X. có mua phần đất của ông M. diện tích 10.580 m^2 tọa lạc tại ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh. Trong phần đất trên có vài hộ gia đình đang sinh sống vì điều kiện của họ khó khăn nên gia đình bà tạm thời cho họ sinh sống ở phần đất trên, trong đó có hộ ông Nguyễn Thanh Th.. Đến khi cha bà chết, mẹ và các em của bà đồng ý ký giấy giao phần đất trên cho bà quản lý, sử dụng. Các hộ dân ở phần đất trên lấn chiếm thêm nên bà có làm đơn gửi chính quyền địa phương yêu cầu các hộ dân di dời đi nơi khác để trả lại đất cho bà. Ngày 21/6/2005, Ủy ban nhân dân huyện H. ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc công nhận hòa giải thành vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà và các hộ dân, trong đó có hộ ông Th.. Theo đó các hộ dân phải di dời sang nền đất khác. Sau khi có Quyết định bà đã nhiều lần làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương có biện pháp di dời các hộ dân nhưng các hộ không thực hiện.

Tháng 7/2013, Ủy ban nhân dân huyện H. mời bà để vận động bà hỗ trợ cho mỗi hộ dân 5.000.000 đồng thì Ủy ban sẽ giải quyết buộc các hộ dân di dời vào cuối tháng 9/2013. Tháng 8/2013, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H. mời các hộ dân lên nhận tiền hỗ trợ di dời nhưng các hộ không nhận tiền và cũng không chịu di dời. Sau đó, bà có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Long Thành N. nhờ giải quyết. Theo Biên bản hòa giải ngày 08/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành N. bà đồng ý cho các hộ dân thêm 10 ngày nếu các hộ dân không di dời bà sẽ khởi kiện tại Tòa án và không đồng ý hỗ trợ tiền di dời.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Nguyễn Thanh Th. di dời nhà đi nơi khác để trả lại đất cho bà.

- Trong quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Thanh Th. trình bày:

Phần đất hiện tại ông đang ở là đất cha mẹ ông ở trước đây và ông ở cùng cha mẹ ông, còn nguồn gốc từ đâu thì ông không biết. Ngày 21/6/2006, Ủy ban nhân dân huyện H. ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc công nhận hòa giải thành vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà H. và các hộ dân khu vực cảng Bến K. thuộc khu vực ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh, trong đó có hộ gia đình ông. Việc hòa giải thành này có sự thỏa thuận giữa 49 hộ dân với bà H., Ủy ban nhân dân huyện H., Ủy ban nhân dân xã Long Thành N. là đã hứa sang lắp mặt bằng, hỗ trợ di dời bằng tiền, mở đường 4m nhưng đến nay chưa thực hiện được. Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 Ủy ban nhân dân huyện H. thì ông không biết, còn vợ ông có nhận hay không thì ông không biết. Do đó ông không thể di dời được. Nay bà H. yêu cầu ông di dời nhà, tài sản khác đi nơi khác để trả lại đất cho bà H. thì ông không đồng ý vì chưa cấp đủ đất cho ông 119m^2, chưa sang lắp mặt bằng, chưa mở đường 4m và hỗ trợ di dời.

- Trong quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S., anh Nguyễn Hoàng Ph., anh Nguyễn Thanh Ng. trình bày:

Bà Nguyễn Thị S., anh Nguyễn Thanh Ng., anh Nguyễn Hoàng Ph. thống nhất hoàn toàn với lời trình bày và yêu cầu của ông Thủy.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì yêu cầu của bà Hoa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận bà S. đồng ý di dời nhà và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại đất cho bà H.. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Ông Nguyễn Thanh Th., anh Nguyễn Hoàng Ph. và anh Nguyễn Thanh Ng. có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227. Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phần đất vợ chồng ông Th., bà S., anh Ph. và anh Ng. đang ở thuộc đất của bà H. và bà H. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th. cũng thừa nhận phần đất trên là của bà H. nên xác định đây là quan hệ "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Tại phiên tòa, bà H. yêu cầu ông Th., bà S., anh Ng. và anh Ph. di dời nhà và các tài sản khác đi nơi khác trả lại đất cho bà. Bà H. không hỗ trợ tiền di dời.

Tại phiên tòa, bà S. đồng ý di dời nhà, cây trồng trên đất và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại đất cho bà H., bà Sự không yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H. cấp đủ đất cho bà 119 m^2 và không yêu cầu san lắp mặt bằng, mở đường 4 m, hỗ trợ di dời.

[2] Xét thấy, phần đất vợ chồng ông Th., bà S., anh Ph. và anh Ng. đang ở Ủy ban nhân dân huyện H., tỉnh Tây Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. ngày 12/5/2016, số phát hành CĐ185472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03008, với điện tích 845,5 m^2, thửa đất số 1370, tờ bản đồ sô 10 nên phần đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà H..

[3] Đối với yêu cầu của ông Th., thấy rằng: Theo Công văn số 35/UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H. thể hiện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H. có kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H. xem xét hỗ trợ san lắp mặt bằng. Nhưng sau khi xem xét thì Ủy ban nhân dân huyện H. không đồng ý hỗ trợ chi phí san lắp và di dời vì đây là sự thỏa thuận giữa bà H. và ông Th.. Căn cứ kết quả kiểm tra vị trí, ranh giới, đo đạc xác định diện tích thửa đất số 1168, tờ bản đồ số 10 giảm 19 m^2 không đúng với diện tích thỏa thuận ban đầu, nên việc yêu cầu cấp đủ 119 m^2 theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 21/6/2005 của Ủy ban nhân dân huyện H. không thể thực hiện được. Do đó, yêu cầu của ông Th. không có cơ sở chấp nhận.

[4] Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. đối với ông Th. và buộc ông Th., anh Ph. và anh Ng. có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà, tài sản đi nơi khác để trả đất lại cho bà H..

Ông Th., bà S., anh Ph. và anh Ng. được lưu cư trên phần đất trên trong thời hạn 03 tháng.

[5] Tại phiên tòa, bà H. tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí đo đạc, định giá nên cần ghi nhận.

[6] Ghi nhận bà S. tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà, cây trồng trên đất và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại 124,3 m^2 đất cho bà Trần Thị Lệ H.

[7] Ông Th., bà S., anh Ng. và anh Ph. phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 17 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H. đối với ông Nguyễn Thanh Th. về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

1.1 Buộc ông Nguyễn Thanh Th., anh Nguyễn Hoàng Ph. và anh Nguyễn Thanh Ng. có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà, các cây trồng trên đất và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại cho bà Trần Thị Lệ H. 124,3 m^2 đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích 845,5 m^2 đất trồng cây lâu năm đã được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Lệ H. ngày 12/5/2016, số phát hành CĐ185472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03008, thửa đất số 1370, tờ bản đồ sô 10, tọa lạc tại ấp Bến K., xã Long Thành N., huyện H., tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

- Đông giáp đất bà Trần Thị Lệ H..

- Tây giáp đất bà Trần Thị Lệ H..

- Nam giáp đất bà Trần Thị Lệ H..

- Bắc giáp đất bà Trần Thị Lệ H..

1.2 Ghi nhận bà Nguyễn Thị S. tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà, các cây trồng trên đất và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại cho bà Trần Thị Lệ H. phần đất có diện tích 124,3 m^2 nêu trên.

Ông Nguyễn Thanh Th., bà Nguyễn Thị S., anh Nguyễn Hoàng Ph. và anh Nguyễn Thanh Ng. được lưu cư trên phần đất trên trong thời hạn 03 tháng, hết thời hạn trên phải tháo dỡ, di dời nhà và các tài sản khác đi nơi khác để trả lại đất cho bà Trần Thị Lệ H..

2. Ghi nhận bà Trần Thị Lệ H. tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí đo

đạc, định giá (Đã nộp xong).

3. Án phí:

3.1 Ông Nguyễn Thanh Th., bà Nguyễn Thị S., anh Nguyễn Hoàng Ph. và anh Nguyễn Thanh Ng. phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành hoàn trả lại cho bà Trần Thị Lệ H. 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nôp theo biên lai thu số 0002845 ngày 01/7/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H., bà S. có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th., anh Ph., anh Ng. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND huyện Hòa Thành.
- CCTHADS huyện Hòa Thành.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

LÂM TẤN NHÀN